

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 102/2022/HSST
Ngày: 29/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Nghĩa – Cán bộ hưu trí và bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Phó Chủ tịch HĐND phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa.

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Lê Trúc Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 109/2022/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 19/02/1996; ĐKKHKT và chỗ ở: Khu phố B, phường P, TP T, Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Cha: Phạm Công C, sinh năm 1965; Mẹ: Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1970; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con út; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 28/01/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 06/02/2017.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/10/2022 tại phường P, thành phố T. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: bà Nguyễn Thị Ánh T – sinh năm 1970 (Có mặt tại phiên tòa) và ông Phạm Công C – sinh năm 1965 (Vắng mặt tại phiên tòa); Địa chỉ: khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người bào chữa cho bị cáo: ông Trần Hải L – Luật sư Văn phòng Luật sư D thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa

Người bị hại: Nguyễn Thị Thu H – sinh năm 1989; Địa chỉ: khu phố L, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng: Đặng Thị V – sinh năm 1969; Địa chỉ: khu phố N, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 08/4/2022, Phạm Nguyễn Ngọc N đến Bệnh viện S, địa chỉ đường T, Phường S, thành phố T để tìm người quen. Khi đi ngang qua buồng bệnh nhân số 07 khoa bệnh lý, N thấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Snn của chị Nguyễn Thị Thu H trị giá 13.625.000 đồng để trên khung cửa sổ của buồng bệnh nên nảy sinh ý định lấy trộm. Lúc này, N đến cầm điện thoại bỏ vào túi quần rồi đem về nhà. Sau đó chị H phát hiện mất điện thoại nên nhờ người thân mở định vị điện thoại thì phát hiện điện thoại đang ở khu vực phường P, thành phố T nên báo cáo sự việc đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuy Hòa. Qua vị trí định vị, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuy Hòa phát hiện và đưa N về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan điều tra, N tự nguyện giao nộp điện thoại và khai nhận toàn bộ sự việc.

Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Phạm Nguyễn Ngọc N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả; bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi (theo Kết luận giám định pháp y tâm thần của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực T số 205/KLGD ngày 14/9/2022).

Vật chứng vụ án: Đã tạm giữ và trả lại chủ sở hữu 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Snn.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Nguyễn Thị Thu H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số 100/CT-VKSTH ngày 25/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên đã truy tố bị cáo Phạm Nguyễn Ngọc N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất và mức độ hành vi phạm tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo tại Cáo trạng số 100/CT-VKSTH ngày 25/11/2022 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; điểm b, q, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 9 đến 12 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Người bị hại đã nhận lại tài sản và vật chứng đã xử lý nên không xem xét.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Người đại diện hợp pháp của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết 01/2022 ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-

HĐTP ngày 15 tháng 05 năm 2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Tuy Hòa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Vì vậy đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 08/4/2022, tại Bệnh viện S, địa chỉ đường T, Phường S, thành phố T, tỉnh Phú Yên, Phạm Nguyễn Ngọc N đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động trị giá 13.625.000 đồng của chị Nguyễn Thị Thu H.

Do đó, hành vi bị cáo Phạm Nguyễn Ngọc N đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa và luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Bị cáo là người bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, tuy nhiên, bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình gây ra. Bị cáo là người có nhân thân xấu đã từng bị xử phạt về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng không có ý thức tu dưỡng, rèn luyện mà vẫn tiếp tục phạm tội. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

[4] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại; Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Do đó cần áp dụng điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Nguyễn Ngọc N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Nguyễn Ngọc N 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Nguyễn Ngọc N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp Tuy Hòa;
- Công an Tp Tuy Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Hằng